Ban quản lý dự án Phát triển
Tỉnh Khánh Hòa
+07:00

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG
HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYÊN HẢI
TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG – (ĐỢT 25 – 06 TRƯỜNG HỢP/08 THỬA)

(Kèm Quyết định số: 2750 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Nha Trang)

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt: 2.537.058.000 đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, không trăm năm mười tám nghìn đồng)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
Phòng Tài nguyên và Môi trường
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Hồ Thị Hải

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thanh Liêm

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYÊN HẢI - TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG

A - Các căn cứ pháp lý để lập phương án:

1 - Các văn bản liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi; bổ sung một số Nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi; bổ sung một số Nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;
- Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy định về bảng giá đất ổn định định kỳ 5 năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định Bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc và chi phí đền bù, hỗ trợ một số công trình trên đất tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v Quy định về bồi thường, hỗ trơ đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ viễn thông, truyền hình, điện, nước sinh hoạt khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Văn bản số 5526/STC-QLG ngày 31/12/2021 của Sở Tài chính về việc Giá gạo để tính hỗ trợ, ổn định đời sống và ổn định sản xuất;

2- Các văn bản liên quan đến dự án:

- Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
- Thông báo số 785/TB-UBND ngày 25/7/2017 của UBND thành phố Nha Trang Về việc điều chỉnh nội dung tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang;
- Thông báo số 470/TB-UBND ngày 13/3/2019 của Uỷ ban nhân dân thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang;
- Thông báo số 279/TB-UBND ngày 09/4/2021 của Uỷ ban nhân dân thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh một số nội dung tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang và Thông báo số 470/TB-UBND ngày 13/3/2019 của UBND Nha Trang về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang;

- Thông báo số 1014/TB-UBND ngày 22/6/2021 của UBND thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới, diện tích đối với hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang) và điều chỉnh vị trí, ranh giới đối với 02 hạng mục Đường Chử Đồng Tử - Mương và Kè phía Bắc Sông Cái (tại Thông báo số 279/TB-UBND ngày 09/4/2021 của Uỷ ban nhân dân thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh một số nội dung tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang và Thông báo số 470/TB-UBND ngày 13/3/2019 của UBND Nha Trang về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang);

- Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND thành phố Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;

- Quyết định số 75/QĐ-HĐBT ngày 08/4/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v kiện toàn Tổ công tác giúp việc Hội đồng BT, HT, TĐC dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;

- Thông báo số 209/TB-HĐBT ngày 30/6/2017 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v kiểm kê xác định khối lượng bồi thưỡng, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang thuộc các xã, phường: Vĩnh Ngọc, Vĩnh Phước, Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang;

- Thông báo số 45/TB-TTPTQĐ-PT ngày 10/7/2018 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa về việc chuyển nhượng, thu hồi đối với phần diện tích đất còn lại sau giải tỏa không đủ điều kiện xây dựng nhà ở theo quy định đối với các trường hợp giải tỏa thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;

- Thông báo số 30/TB-TTPTQĐ-PT ngày 23/9/2021 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa về việc chuyển nhượng, thu hồi đối với phần diện tích đất còn lại sau giải tỏa không đủ điều kiện xây dựng nhà ở theo quy định đối với các trường hợp giải tỏa thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;

- Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt giá đất cụ thể tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang.

- Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện BT, HT, TĐC dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang.

- Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt một số nội dung về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang và dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp.

- Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v phê duyệt một số nội dung về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang và dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp.

- Văn bản số 2915/QLĐT-QH ngày 24/8/2018 của Phòng Quản lý Đô thị về việc xác định mốc thời điểm quy hoạch dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang.

- Văn bản số 3732/UBND ngày 15/5/2019 của UBND Tp Nha Trang về việc mốc thời điểm xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường Bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang.

- Thông báo số 109/TB-HĐBT ngày 07/5/2019 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v đo đạc, kê khai, kiểm đếm xác định khối lượng bồi thưỡng, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang thuộc các xã, phường: Vĩnh Ngọc, Vĩnh Phước, Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang;

- Tiêu chí bố trí tái định cư số 99/HĐBT ngày 17/5/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang

- Biên bản họp Hội đồng BT, HT, TĐC dự án ngày 28/6/2022

- Biên bản họp Hội đồng BT, HT, TĐC dự án ngày 10/8/2022

- Thông báo số 150/TB-HĐBT ngày 20/7/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v niêm yết phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang

- Biên bản niêm yết ngày 23/7/2022

- Biên bản kết thúc niêm yết ngày 11/8/2022

- Biên bản họp đối thoại ngày 11/8/2022

- Thông báo số 186/TB-HĐBT ngày 18/8/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v niêm yết phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang

- Biên bản niêm yết ngày 21/8/2022

- Biên bản kết thúc niêm yết ngày 09/9/2022

- Biên bản họp đối thoại ngày 08/9/2022

B- <u>Bồi thường hỗ trợ</u>

BẢNG TỔNG HỢP
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYÊN HẢI - TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG
Hạng mục: Xây dựng Đường Chử Đồng Tử

STT	Đối tượng thu hồi đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ giải tỏa	THỬA	TỜ BĐTĐ	Tổng DT	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m²)				SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (đồng)					Khen thưởng (đồng)
							Tổng DT thu hồi	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác	Tổng số tiền BT, HT	BT, HT về đất	BT, HT về tài sản	BT, HT về cây trồng	Hỗ trợ khác	
1	Ông Huỳnh Văn Xí Bà Trần Thị Tem	Tổ 8, Tháp Bà, Vĩnh Phước, TP Nha Trang	35/34/13/6 Ngô Đến, Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	101	48-2021	12,80	12,80	8,90		3,90	159.939.093	75.000.000	61.868.133	0	23.070.960	11.000.000
2	Ông Lê Văn Nhảy Bà Phạm Thị Ngọc Lan	Tổ 4 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang	35/34/13/3 Ngô Đến, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang	103	48-2021	33,50	33,50	33,50			210.417.690	120.600.000	61.211.250	0	28.606.440	11.000.000
3	Ông Trương Phê Bà Trần Thu Hà	Tổ 4, Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang	35/34/13/1 Ngô Đến, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	96	48-2021	33,90	33,90	33,90			288.099.816	122.040.000	142.988.856	0	23.070.960	11.000.000
4	Ông Phan Đình Nam Bà Lê Thị Thanh Huy	Tổ 4, Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang	35/46/1 và 35/47 Ngô Đến, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	120+125+126	48-2021	503,60	503,60	33,50		470,10	1.093.314.375	80.400.000	979.848.415	9.995.000	23.070.960	11.000.000
5	Ông Nguyễn Văn Phùng (chết) Bà Nguyễn Thị Có (chết) Bà Nguyễn Thị Thu Hà (đại diện kê khai)	Phước Thủy, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang	11 Ngô Đến, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang	63	48-2021	27,10	27,10	27,10			572.783.834	195.120.000	377.663.834	0	0	11.000.000
6	Ông Vương Ngọc Nghi Bà Đặng Thị Mười	Tổ 1, Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang	35/34/13/9 Ngô Đến, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	106	48-2021	17,10	17,10	17,10			98.050.772	27.702.000	70.348.772	0	0	11.000.000
	Tổng			**8**		**628,00**	**628,00**	**154,00**	**0,00**	**474,00**	**2.422.605.579**	**620.862.000**	**1.693.929.259**	**9.995.000**	**97.819.320**	**66.000.000**

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: **2.422.605.579** **đồng**
Kinh phí tổ chức thực hiện (2%): **48.452.112** **đồng**
Kinh phí khen thưởng **66.000.000** **đồng**
Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ: **2.537.058.000** **đồng**
(Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng)

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2022

Người lập	Người soát	Phụ trách phòng	Ban QLDA Phát Triển KH (Chủ đầu tư) GIÁM ĐỐC	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KH KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nham Thị Kiều My	Lê Thị Thu Nguyệt	Hà Văn Thắng	Hồ Tấn Quang	Nguyễn Minh Tuấn

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
01	**Ông Huỳnh Văn Xí** **Bà Trần Thị Tem** **- Địa chỉ thường trú:** Tổ 8, Tháp Bà, Vĩnh Phước, TP Nha Trang **- Địa chỉ thửa đất giải tỏa:** 35/34/13/6 Ngô Đến, Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	*****Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 714/XN-UBND ngày 01/6/2022 và 1124/XN-UBND ngày 11/8/2022của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:** *Thửa số 101 – Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 (bản vẽ được đo đạc chỉnh lý theo bản trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021) do Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa đo vẽ ngày 16/7/2021 tương ứng thửa số 27, tờ bản đồ địa chính số 25 (tương ứng thửa số 80 tờ BĐ chỉnh lý số 25), phường Vĩnh Phước.* *** Nguồn gốc đất:** Đất trước đây do vợ chồng ông Nguyễn Văn Mỹ và bà Nguyễn Thị Thủy khai hoang và sử dụng **năm 1980. Đến năm 1989**, ông Mỹ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn Xí quản lý, sử dụng và xây dựng nhà tạm để ở với diện tích 8,9m² *(diện tích theo bản đồ năm 1996)*. Thửa đất này không thuộc quỹ đất công, đất do nhà nước quản lý. **- Thời điểm sử dụng đất:** Năm 1989 **- Thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc:** Do vợ chồng ông Huỳnh Văn Xí tạo dựng một căn nhà tạm từ năm 1989 sau đó vợ chồng ông Xí sửa chữa và cải tạo lại năm 2007 như khuôn viên hiện nay *(Theo Đơn xin xác nhận có nhà ở có xác nhận của UBND phường Vĩnh Phước ngày 01/10/2007, Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 28/4/2022 của UBND phường Vĩnh Phước và Bản đồ phường Vĩnh Phước đo vẽ năm 1996 có thửa đất riêng và trên thửa đất có thể hiện nhà).* **- Tình trạng nhà đất:** Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định tại thửa đất giải tỏa từ năm 1989 đến nay và không sở hữu nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước. **- Tổng diện tích đất đang sử dụng:** 12,8m² **- Khuôn viên, ranh giới thửa đất:** Đông giáp: Đường đi Tây giáp: Thửa 102 Nam giáp: Đường đi Bắc giáp: Thửa 100 **- Loại đất:** Hộ dân tự chuyển mục đích xây dựng nhà ở, công trình vật kiến trúc. *** Quá trình sử dụng đất; nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất (nếu có):** - Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới									
			I/ Về đất:						**75.000.000**		
			- Tổng diện tích (Thửa 101)	m²	**12,80**						
			+ DT đất giải tỏa:	m²	12,80						
			+ DT đất còn lại:	m²	0,00						
			***** Căn cứ pháp lý áp dụng*** *:* *+ Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Điểm a Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Điểm a, Khoản 1, Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Khoản 4, Điều 82, Luật đất đai năm 2013* *+ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;*							
			- Diện tích đất được bồi thường:	m²	**8,90**						
			+ Bồi thường đất ở vì xây dựng nhà sau 15/10/1993 đến trước 01/7/2004:	m²	8,90	1.800.000	100%		16.020.000		
			Áp giá đường 2/4 (đoạn từ phía Nam cầu Hà Ra đến đường Hòn Chồng vào khu dân cư Vĩnh Phước) - vị trí 5. Đơn giá: 2.400.000đ/m²								
			Nộp tiền sử dụng đất do hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, mức thu tiền sử dụng bằng 50% tiền sử dụng đất tương ứng với phần diện tích đất ở bị thu hồi trong hạn mức theo giá đất 1.200.000đ/m² **- Giá đất hỗ trợ:** (2.400.000đ/m² x 100%) - (1.200.000đ/m² x 50%) = 1.800.000đ/m²							
			- Diện tích đất không được bồi thường:	m²	**3,90**	*Không bồi thường vì lấn núi*					
			- Hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu						58.980.000		
			Căn cứ khoản 1, Điều 27 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hoà								
			Hỗ trợ khoản chênh lệch giữa suất tái định cư tối thiểu và tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất: 75.000.000đ - 16.020.000đ = 58.980.000đ								
			II/ Tài sản gắn liền với đất:						**61.868.133**		
			1- Công trình, vật kiến trúc:						**60.606.133**		
			+ TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND TP Nha Trang;								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		- Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, hình giới thửa đất: Có - Những thay đổi về loại đất: Hộ gia đình tự chuyển đổi xây dựng nhà ở. * Hộ gia đình **không thuộc diện trực tiếp sản xuất nông nghiệp**, không có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp * **Tình hình tranh chấp đối với thửa đất:** Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại. * **Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích thực tế đang sử dụng:** - Diện tích đất theo giấy tờ (bản đồ năm 1996): 8,9m² - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 12,8m² - Diện tích đất chênh lệch tăng: 3,9m² - Nguồn gốc tăng: Do lấn núi phía sau. * **Trường hợp địa chỉ thửa đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ** - Địa chỉ thửa đất thực tế: 35/34/13/6 Ngô Đến, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang - Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tổ 8 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang *(Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng và địa chỉ thửa đất theo giấy tờ là cùng một địa chỉ thửa đất)* * **Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:** - Sổ hộ khẩu số 330005674 do CA TP Nha Trang cấp ngày 30/7/2015 do bà Trần Thị Tem đứng chủ hộ tại Tổ 8 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang, gồm 09 nhân khẩu, chuyển đến ngày 06/12/2007. - Chứng minh nhân dân số 220099412 do CA tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/4/2016 tên bà Trần Thị Tem. - Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 28/4/2022 của UBND phường Vĩnh Phước. - Biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2012 tên bà Trần Thị Tem. - Giấy biên nhận tiền nước tháng 11/2017 tên bà Trần Thị Tem. - Phiếu thu dịch vụ Internet tháng 8/2017 tên bà Trần Thị Tem. - Thửa 101 thuộc vị trí 5 - tiếp giáp Đường 2/4 (đoạn từ phía Nam cầu Hà Ra đến đường Hòn Chồng vào khu dân cư Vĩnh Phước) - (theo biên bản làm việc về việc xác định độ rộng hẻm hiện trạng ngày 22/6/2021) - Biên bản họp HĐBT ngày 10/8/2022 (STT 35)	***** Bồi thường, hỗ trợ theo:*** *+ Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;* *+ Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016;* *+ Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.*								
			+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Nhà 2 tầng, tầng 1 tường xây gạch 100, tầng 2 cột kèo gỗ, vách tole, sàn gỗ, mái tole, nền gạch men, cửa sắt kính, có hệ thống điện nước, hệ vệ sinh hoàn chỉnh. DTXD = DTGT: 12,8 m² (Nhà xây dựng hết diện tích đất)	m²XD	12,80	4.299.586		100%	55.034.701		
			Áp giá PLI, STT A10, ĐG: 4.299.586đ/m²XD.								
			+ Ốp men tường (tầng 1): 10m x 1,8m = 18 m²	m²	18,00	309.524		100%	5.571.432		
			Áp giá PLII, STT A33, ĐG: 309.524đ/m²								
			2 - Tài sản khác:						**1.262.000**		
			Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Internet tốc độ cao Mega VNN (ADSL	TH	1	200.000			200.000		
			- Đồng hồ điện	TH	1	1.062.000			1.062.000		
			- Đồng hồ nước	TH	1	*Không bồi thường vì được lắp đặt đồng hồ nước tại nơi ở mới*					
			3 - Cây trồng						**0**		
			Không có								
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: ***Không bồi thường*** *theo văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.*						**0**		
			IV/ Chính sách hỗ trợ:						**23.070.960**		
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống:						**9.570.960**		
			+ Áp dụng Điểm 1a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; *+ Căn cứ biên bản xác minh số nhân khẩu và tình trạng ăn ở thực tế của UBND phường Vĩnh Phước ngày 8/10/2021 (STT 05).*								
			(30kg/tháng/NK x 6 tháng x 4 nhân khẩu = 720kg)	kg	720	13.293		100%	9.570.960		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		- Thông báo số 186/TB-HĐBT ngày 18/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 21/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 09/9/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 08/9/2022	*(Giá gạo theo CV số 2483/STC-QLG ngày 01/7/2022 của Sở Tài chính Khánh Hòa. ĐG: 13.293đ/kg)*								
			+ 05 nhân khẩu hiện không ăn ở tại vị trí giải tỏa								
			2 - Hỗ trợ tiền thuê nhà:						**7.500.000**		
			Áp dụng Điểm 2a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa								
			- Hỗ trợ tiền thuê nhà: Hộ có 05 nhân khẩu trở xuống mức hỗ trợ 2.500.000đ/tháng	tháng	3	2.500.000		100%	7.500.000		
			+ 05 nhân khẩu hiện không ăn ở tại vị trí giải tỏa								
			3 - Hỗ trợ tiền di chuyển:						**6.000.000**		
			Áp dụng Điểm 2e, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa								
			- Hỗ trợ thêm 1 lần di chuyển đến chỗ ở mới ngoài địa bàn phường nơi giải tỏa	hộ	1	6.000.000		100%	6.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I + II + III + IV)						159.939.093		
			V/ Phần khen thưởng						**11.000.000**		
			Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			+ Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I+II+III+IV+V):							**170.939.093**	
VI/ Tái định cư:											

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		- Căn cứ Điều 23, Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; *- Căn cứ văn bản số 9552/CNNT ngày 12/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nha Trang - hộ gia đình không sở hữu nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước;* *- Căn cứ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.* *- Căn cứ Biên bản chọn lô đất tái định cư (dự kiến) ngày 06/9/2022 - Hộ gia đình đã chọn: Lô số 147 Khu TĐC Ngọc Hiệp, tiếp giáp đường số 14 rộng 13m, diện tích 60,0m².*	* Được xét giao 01 lô tái định cư - **Lô số 147 Khu TĐC Ngọc Hiệp**, diện tích 60,0m² . Tiếp giáp đường số 14 rộng 13m - Đơn giá đất tái định cư **Lô số 147 Khu TĐC Ngọc Hiệp**, đường số 14 rộng 13m, diện tích 60,0m² đơn giá: 10.800.000đồng/m² **- Thành tiền: 60,0m² x 10.800.000đ/m² = 648.000.000đồng**									

VII Khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất vào giá trị đất ở được giao tại khu tái định cư:

- Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Căn cứ QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:

+ **Diện tích xây dựng nhà ở TĐC tối thiểu** (*Diện tích của nhà tái định cư tối thiểu không dưới 60m²*): = diện tích đơn vị ở tối thiểu 15m²/người x số nhân khẩu của hộ tái định cư (*được xác định theo số nhân khẩu hỗ trợ ổn định đời sống*).

+ **Đơn giá xây dựng nhà TĐC:** *Áp giá, PL1, mục A, STT 11, QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa*: Đơn giá 3.565.458đ/m² *(đơn giá mái tôn)*

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Xác định giá trị nhà ở tái định cư tối thiểu và số tiền phải nộp tiền SDĐ								Xác định số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất phải khấu trừ tiền SDĐ của lô TĐC và số tiền BT, HT còn lại phải trả cho hộ dân (đồng)			
Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất			Các khoản bồi thường, hỗ trợ không tính kinh phí khen thưởng	Tổng KP *(Không có khen thưởng)*	Số nhân khẩu của hộ TĐC	Số hiệu lô đất TĐC	Diện tích lô TĐC được cấp (m²)	Đơn giá đất TĐC (đồng/m²)	Tiền SDĐ lô TĐC (đồng)	DT xây nhà ở TĐC tối thiểu (m²)	Đơn giá xây dựng nhà TĐC tối thiểu (đồng/m²)	Giá trị nhà ở Tái định cư tối thiểu (đồng)	Số tiền giữ lại để xây nhà TĐC còn thiếu (nếu có)	Số tiền BT, HT về đất phải giữ lại nộp tiền SDĐ	Tiền sử dụng đất của lô TĐC còn lại phải nộp	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ còn lại (*chi trả cho dân*)
BT về đất	BTHT nhà và VKT	Tổng cộng														
(1)	(2)	(3) = (1)+(2)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) x (9)	(11)	(12)	(13) = (11) x (12)	(14) = (13) - (2)	(15) = (10)	(16) = (10) - (15)	(17) = (5) - (15)
75.000.000	61.868.133	136.868.133	23.070.960	159.939.093	4	Lô số 147 Khu TĐC Ngọc Hiệp đường số 14 rộng 13m	60,0	10.800.000	648.000.000	60,0	3.565.458	213.927.480	152.059.347	0	648.000.000	159.939.093

*** Ghi chú:** *Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa*: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc (75.000.000 đồng + 61.868.133 đồng = 136.868.133 đồng) nhỏ hơn số tiền xây nhà ở tái định cư tối thiểu 213.927.480 đồng) nên không khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất (75.000.000 đồng) vào giá trị lô đất tái định cư (648.000.000 đồng).

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
02	**Ông Lê Văn Nhảy** **Bà Phạm Thị Ngọc Lan** **- Địa chỉ thường trú:** Tổ 4 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang **- Địa chỉ thửa đất giải tỏa:** 35/34/13/3 Ngô Đến, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang	**** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 833/XN-UBND ngày 21/6/2022 và 1124/XN-UBND ngày 11/8/2022 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:** *Thửa 103 - Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 (bản vẽ được đo đạc chỉnh lý theo bản trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021) do Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa đo vẽ ngày 16/7/2021 tương ứng thửa số 32 tờ BĐ địa chính số 25 (tương ứng thửa số 80 tờ BĐ chỉnh lý số 25), Vĩnh Phước.* **+ Nguồn gốc đất:** Do vợ chồng ông Lê Văn Nhảy khai phá, cải tạo **từ năm 1975** với diện tích như khuôn viên hiện nay và sử dụng ổn định đến nay. Thửa đất này không thuộc quỹ đất công, đất do nhà nước quản lý. **- Thời điểm sử dụng đất:** Năm 1975 **- Thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc:** Do vợ chồng ông Lê Văn Nhảy tạo dựng một căn nhà tạm dùng để ở từ năm 1989 *(Căn cứ Sổ hộ khẩu số 32335 cấp ngày 01/11/1997 (chuyển đến ngày 23/3/1989) và Bản đồ phường Vĩnh Phước đo vẽ năm 1996 có thửa đất riêng và trên thửa đất có thể hiện nhà)* **- Tình trạng nhà đất:** Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định tại thửa đất giải tỏa và không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước. **- Tổng diện tích đất đang sử dụng:** 33,5m². **- Khuôn viên, ranh giới thửa đất:** Đông giáp: thửa số 114 Tây giáp: đường đi Nam giáp: thửa số 104 Bắc giáp: thửa số 96 **- Loại đất:** Hộ dân tự chuyển mục đích xây dựng nhà ở, công trình vật kiến trúc trước ngày 15/10/1993. *** Quá trình sử dụng đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất:** - Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Không - Những thay đổi về loại đất: Hộ gia đình tự chuyển đổi xây dựng nhà ở ngày 15/10/1993. *** Tình hình tranh chấp đối với thửa đất:** Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại. *** Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng.** - Diện tích đất theo giấy tờ (Bản đồ năm 1996): 32,0m² - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 33,5m² - Diện tích chênh lệch tăng/giảm: 1,5m²								
			I/ Về đất:						**120.600.000**		
			- Tổng diện tích (Thửa số 103):	**m²**	**33,50**						
			+ DT đất giải tỏa:	m²	33,50						
			+ DT đất còn lại:	m²	0,00						
			***** Căn cứ pháp lý áp dụng :*** *+ Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Điểm a Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Điểm a, Khoản 1, Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;*								
			- Diện tích đất bồi thường:	m²	33,50						
			- Bồi thường đất ở vì xây dựng nhà ở sau ngày 15/10/1993 đến trước 01/7/2004:	m²	33,50	3.600.000	100%		120.600.000		
			Áp giá đường 2/4 (đoạn từ phía Nam cầu Hà Ra đến đường Hòn Chồng vào khu dân cư Vĩnh Phước) - vị trí 4. Đơn giá: 4.800.000đ/m²								
			Nộp tiền sử dụng đất do hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, mức thu tiền sử dụng bằng 50% tiền sử dụng đất tương ứng với phần diện tích đất ở bị thu hồi trong hạn mức theo giá đất 2.400.000đ/m² - Giá đất bồi thường: (4.800.000đ/m² x 100%) - (2.400.000đ/m² x 50%) = 3.600.000đ/m²								
			II/ Tài sản gắn liền với đất:						**61.211.250**		
			1- Công trình, vật kiến trúc:						**60.149.250**		
			+ Ngày khóa sổ: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND TP Nha Trang);								
			***** Hỗ trợ theo:*** *+ Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;* *+ Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016;* *+ Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.*								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		- Nguồn gốc tăng/giảm: Do sai số đo đạc. *** Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:** - Địa chỉ thửa đất thực tế: 35/34/13/3 Ngô Đến, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang - Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tổ 4 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang *Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng, địa chỉ thửa đất theo giấy tờ là cùng một địa chỉ thửa đất.* *** Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:** - Sổ hộ khẩu số 32345 do ông Lê Văn Nhảy đứng tên chủ hộ, được công an thành phố Nha Trang cấp ngày 01/11/1997, gồm 06 nhân khẩu. Thường trú tại: tổ 4 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang (ngày chuyển đến 23/3/1989). - Phiếu ý kiến khu dân cư ngày 10/6/2022 của UBND phường Vĩnh Phước - Biên nhận tiền nước tháng 9/2017 - Biên nhận thanh toán tiền điện tháng 10/2017 - Biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa. - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất. - Bản tự kê khai. - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021 - Thửa đất tiếp giáp đường 2/4 (đoạn từ phía Nam cầu Hà Ra đến đường Hòn Chồng và Khu dân cư Vĩnh Phước) từ 2,0m đến 3,5m tương ứng vị trí 4. - Biên bản họp HĐBT ngày 10/8/2022 (STT 13) - Thông báo số 186/TB-HĐBT ngày 18/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 21/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 09/9/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 08/9/2022	*+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;*								
			- Nhà một tầng, tường xây gạch 200, nền xi măng, cửa gỗ + kính, mái lợp tole, tường sơn nước, hệ vệ sinh hoàn chỉnh, có hệ thống điện nước. DTXD = DTGT = 33,5m²	m²	33,50	3.517.143		100%	60.149.250		
			Áp giá PL1, STT A4. ĐG: 3.058.385đ/m² XD. Đơn giá tăng 15% vì tường sơn mước và tường xây gạch 200 3.058.385đ/m²XD x (100+15)% = 3.517.143đ/m²XD								
			2 - Tài sản khác:						**1.062.000**		
			Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Đồng hồ điện	TH	1	1.062.000	100%		1.062.000		
			- Đồng hồ nước	TH	1	*Không bồi thường vì được lắp đặt đồng hồ nước tại nơi ở mới*					
			3 - Cây trồng:						**0**		
			Không có								
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:						**0**		
			Không bồi thường *theo hướng dẫn tại Văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa*								
			IV/ Chính sách hỗ trợ:						**28.606.440**		
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống:						**14.356.440**		
			Áp dụng Điểm 1a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa *Căn cứ biên bản xác minh số nhân khẩu và tình trạng ăn ở thực tế của UBND phường Vĩnh Phước ngày 8/10/2021.*								
			(30kg/tháng/NK x 6 tháng x 6 nhân khẩu = 1080kg)	kg	1.080	13.293		100%	14.356.440		
			(Giá gạo theo CV số 2483/STC-QLG ngày 01/7/2022 của Sở Tài chính Khánh Hòa. ĐG: 13.293đ/kg)								
			2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:						**8.250.000**		
			Áp dụng Điểm 2a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa *Căn cứ biên bản xác minh số nhân khẩu và tình trạng ăn ở thực tế của UBND phường Vĩnh Phước ngày 8/10/2021.*								
			- Hỗ trợ tiền thuê nhà: Hộ có 05 nhân khẩu trở xuống mức hỗ trợ 2.500.000đ/tháng	tháng	3	2.500.000		100%	7.500.000		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			- 01 nhân khẩu tăng thêm 250.000đ/người	tháng	3	250.000		100%	750.000		
			3 - Hỗ trợ tiền di chuyển:						**6.000.000**		
			Áp dụng Điểm 2e, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa:								
			- Hỗ trợ thêm 1 lần di chuyển đến chỗ ở mới ngoài địa bàn phường nơi giải tỏa	hộ	1	6.000.000		100%	6.000.000		
			*** Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I + II + III + IV)**						**210.417.690**		
			V/ Phần khen thưởng						**11.000.000**		
			Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			*** Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I+II+III+IV+V):**							**221.417.690**	
	VI/ Tái định cư:										
	- Căn cứ Điều 23, Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; *- Căn cứ văn bản số 9552/CNNT ngày 12/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nha Trang - hộ gia đình không sở hữu nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước;* *- Căn cứ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.* *- Căn cứ Biên bản chọn lô đất tái định cư (dự kiến) ngày 06/9/2022 - Hộ gia đình đã chọn: Lô số 281 Khu TĐC Ngọc Hiệp, tiếp giáp đường số 14 rộng 13m, diện tích 60,0m².*		* Được xét giao 01 lô tái định cư - **Lô số 281 Khu TĐC Ngọc Hiệp**, diện tích 60,0m² . Tiếp giáp đường số 14 rộng 13m - Đơn giá đất tái định cư **Lô số 281 Khu TĐC Ngọc Hiệp**, đường số 14 rộng 13m, diện tích 60,0m² đơn giá: 10.800.000đồng/m² - **Thành tiền: 60,0m² x 10.800.000đ/m² = 648.000.000đồng**								

VII Khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất vào giá trị đất ở được giao tại khu tái định cư:

- Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc bàn hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Căn cứ QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:

\+ **Diện tích xây dựng nhà ở TĐC tối thiểu** (*Diện tích của nhà tái định cư tối thiểu không dưới 60m²*): = diện tích đơn vị ở tối thiểu 15m²/người x số nhân khẩu của hộ tái định cư (*được xác định theo số nhân khẩu hỗ trợ ổn định đời sống*).

\+ **Đơn giá xây dựng nhà TĐC:** *Áp giá, PL1, mục A, STT 11, QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa*: Đơn giá 3.565.458đ/m² *(đơn giá mái tôn)*

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Xác định giá trị nhà ở tái định cư tối thiểu và số tiền phải nộp tiền SDĐ								Xác định số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất phải khấu trừ tiền SDĐ của lô TĐC và số tiền BT, HT còn lại phải trả cho hộ dân (đồng)			
Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất			Các khoản bồi thường, hỗ trợ không tính kinh phí khen thưởng	Tổng KP *(Không có khen thưởng)*	Số nhân khẩu của hộ TĐC	Số hiệu lô đất TĐC	Diện tích lô TĐC được cấp (m²)	Đơn giá đất TĐC (đồng/m²)	Tiền SDĐ lô TĐC (đồng)	DT xây nhà ở TĐC tối thiểu (m²)	Đơn giá xây dựng nhà TĐC tối thiểu (đồng/m²)	Giá trị nhà ở Tái định cư tối thiểu (đồng)	Số tiền giữ lại để xây nhà TĐC còn thiếu (nếu có)	Số tiền BT, HT về đất phải giữ lại nộp tiền SDĐ	Tiền sử dụng đất của lô TĐC còn lại phải nộp	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ còn lại (*chi trả cho dân*)
BT về đất	BTHT nhà và VKT	Tổng cộng														
(1)	(2)	(3) = (1)+(2)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) x (9)	(11)	(12)	(13) = (11) x (12)	(14) = (13) - (2)	(15) = (10)	(16) = (10) - (15)	(17) = (5) - (15)
120.600.000	61.211.250	181.811.250	28.606.440	210.417.690	6	Lô số 281 Khu TĐC Ngọc Hiệp đường số 14 rộng 13m	60,0	10.800.000	648.000.000	90,0	3.565.458	320.891.220	259.679.970	0	648.000.000	210.417.690

* **Ghi chú:** *Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa*: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc (120.600.000 đồng + 61.211.250 đồng = 181.811.250 đồng) nhỏ hơn số tiền xây nhà ở tái định cư tối thiểu (320.891.220 đồng) nên không khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất (120.600.000 đồng) vào giá trị lô đất tái định cư (648.000.000 đồng).

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
03	**Ông Trương Phê** **Bà Trần Thu Hà** **- Địa chỉ thường trú:** Tổ 4, Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang **- Địa chỉ thửa đất giải tỏa:** 35/34/13/1 Ngô Đến, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	**I- Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 853/XN-UBND ngày 23/6/2022 và 1124/XN-UBND ngày 11/8/2022 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:** *Thửa 96 - Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 (bản vẽ được đo đạc chỉnh lý theo bản trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021) do Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa đo vẽ ngày 16/7/2021 tương ứng thửa số 21 tờ BĐ địa chính số 25 (tương ứng thửa số 80 tờ BĐ chỉnh lý số 25), Vĩnh Phước.* **+ Nguồn gốc:** Đất trước đây do bà Mai Thị Chua khai phá, cải tạo và sử dụng **trước năm 1990. Đến năm 1998**, bà Mai Thị Chua chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho vợ chồng ông Trương Phê và bà Trần Thu Hà quản lý, sử dụng ổn định đến nay. **+ Thời điểm sử dụng đất:** Năm 1990. **+ Thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc:** Do vợ chồng bà Mai Thị Chua tạo dựng như khuôn viên hiện nay từ trước năm 1990. Đến tháng 10/1998 chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Trương Phê và bà Trần Thu Hà *(Theo phiếu ý kiến khu dân cư ngày 10/6/2022 của UBND phường Vĩnh Phước và Bản đồ phường Vĩnh Phước đo vẽ năm 1996 có thửa đất riêng và trên thửa đất có thể hiện nhà)* **- Tình trạng nhà đất:** Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định tại thửa đất giải tỏa và không sở hữu nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước. **- Tổng diện tích đất đang sử dụng:** 33,9m². **+ Khuôn viên, ranh giới thửa đất:** Đông giáp: thửa 95 Tây giáp: đường đi Nam giáp: thửa số 103 Bắc giáp: thửa số 94 **+ Loại đất:** Hộ dân tự chuyển mục đích xây dựng nhà ở, công trình vật kiến trúc. *** Quá trình sử dụng đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất:** + Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: không + Những thay đổi về loại đất: Hộ gia đình tự chuyển đổi xây dựng nhà ở. *** Tình hình tranh chấp đối với thửa đất:** Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại. *** Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng.**								
			I/ Về đất:						**122.040.000**		
			- Tổng diện tích (Thửa 96)	**m²**	**33,90**						
			+ DT đất giải tỏa:	m²	33,90						
			+ DT đất còn lại:	m²	0,00						
			***** Căn cứ pháp lý áp dụng:*** *+ Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Điểm a Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Điểm a, Khoản 1, Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;*								
			- Diện tích đất bồi thường:	**m²**	**33,90**						
			- Bồi thường đất ở vì xây dựng nhà ở sau ngày 15/10/1993 đến trước 01/7/2004:	m²	33,90	3.600.000	100%		122.040.000		
			Áp giá đường 2/4 (đoạn từ phía Nam cầu Hà Ra đến đường Hòn Chồng vào khu dân cư Vĩnh Phước) - vị trí 4. Đơn giá: 4.800.000đ/m²								
			Nộp tiền sử dụng đất do hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, mức thu tiền sử dụng bằng 50% tiền sử dụng đất tương ứng với phần diện tích đất ở bị thu hồi trong hạn mức theo giá đất 2.400.000đ/m² - Giá đất bồi thường: (4.800.000đ/m² x 100%) - (2.400.000đ/m² x 50%) = 3.600.000đ/m²								
			II/ Tài sản gắn liền với đất:						**142.988.856**		
			1- Công trình, vật kiến trúc:						**141.926.856**		
			+ Ngày khóa sổ: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND TP Nha Trang);								
			***** Hỗ trợ theo:*** *+ Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;* *+ Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016;* *+ Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.*								
			+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		- Diện tích đất theo giấy tờ: 32,9m² *(Bản đồ phường Vĩnh Phước đo vẽ năm 1996)* - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 33,9m² - Diện tích chênh lệch tăng/giảm: 1,0m² - Nguồn gốc tăng/giảm: Do sai số đo đạc. *** Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:** - Địa chỉ thửa đất thực tế: 35/34/13/1 Ngô Đến, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang - Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tổ 4 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng, địa chỉ thửa đất theo giấy tờ là cùng một địa chỉ thửa đất. *** Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:** - Sổ hộ khẩu số 32340 do ông Trương Phê đứng chủ hộ, thường trú Tổ 4 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, Nha Trang do CA TP Nha Trang cấp ngày 30/10/2002. Gồm 04 nhân khẩu. - Giấy mua bán nhà (viết tay) của bà Mai Thị Chua chuyển nhượng cho ông Trương Phê với diện tích 32m² (không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền). - Hợp đồng mua bán điện sinh hoạt tên bà Mai Thị Chua ngày 31/10/2002. - Hợp đồng dịch vụ cấp nước tên ông Trương Phê năm 2013. - Thông báo nộp thuế năm 2012, 2013. - Phiếu ý kiến khu dân cư ngày 10/6/2022 của UBND phường Vĩnh Phước - Đơn xin sao lục biên lai thuế nhà đất ngày 22/06/2021 có xác nhận của UBND phường Vĩnh Phước (hộ bà Mai Thị Chua đã kê khai và nộp thuế nhà đất năm 1992) - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021 - Thửa đất tiếp giáp đường 2/4 (đoạn từ phía Nam cầu Hà Ra đến đường Hòn Chồng và Khu dân cư Vĩnh Phước) từ 2,0m đến 3,5m tương ứng vị trí 4. - Biên bản họp HĐBT ngày 10/8/2022 (STT 14) - Thông báo số 186/TB-HĐBT ngày 18/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 21/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 09/9/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 08/9/2022	- Nhà 2 tầng, khung cột BTCT, sàn gỗ, nền lát gạch, cửa gỗ kính, mái lợp tole, tường sơn nước, có hệ thống điện nước, hệ vệ sinh hoàn chỉnh. DTXD: 4,42m x 5,94m = 26,25m²	m²XD	26,25	4.945.463		100%	129.818.391		
			Áp giá PL1, STT A12, ĐG: 4.338.125đ/m²XD, đơn giá điều chỉnh hệ số 1,14 vì tường sơn nước. 4.338.125đ/m²XD x 1,14 = 4.945.463đ/m²XD								
			- Cổng trụ gạch cánh thép hình. ĐT: 1,5m x 1,6m = 2,4m²	m²	2,40	3.155.839		100%	7.574.014		
			Áp giá PL1, STT B13, ĐG: 3.155.839đ/m²								
			- Ốp men nhà bếp. DT: 2m x 0,8m = 1,6 m²	m²	1,60	309.524		100%	495.238		
			Áp giá PLII, STT A33, ĐG: 309.524đ/m²								
			- Sân xi măng có bê tông lót. DT: 6,83 m²	m²	6,83	168.630		100%	1.151.743		
			Áp giá PL1, STT B17, ĐG: 168.630đ/m²								
			- Tường rào lưới B40 cao 1,7m, dài (1,2m+0,9m), móng 4 lớp đá chẻ								
			+ Tường rào lưới B40 cao 1,7m, dài (1,2m+0,9m)	md	2,10	422.705		100%	887.681		
			Áp giá PL1, STT B11, ĐG: 422.705đ/md								
			+ Móng 4 lớp đá chẻ: 0,2m x 0,8m x 2,1m = 0,336m³	m³	0,336	2.210.809		100%	742.832		
			(Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³)								
			- Tường rào xây gạch cao 1,7m, dài 1,21m, móng 4 lớp đá chẻ								
			+ Tường rào xây gạch cao 1,7m, dài 1,21m; móng 02 lớp đá chẻ	md	1,21	861.578		100%	1.042.509		
			Áp giá PL1, STT B9, ĐG: 861.578đ/md								
			+ Móng 2 lớp đá chẻ: 0,2m x 0,4m x 1,21m = 0,097m³	m³	0,097	2.210.809		100%	214.448		
			(Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³)								
			2 - Tài sản khác:						**1.062.000**		
			Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Đồng hồ điện	TH	1	1.062.000			1.062.000		
			- Đồng hồ nước	TH	1	*Không bồi thường vì được lắp đặt đồng hồ nước tại nơi ở mới*					
			3 - Cây trồng						**0**		
			Không có								
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:						**0**		
			***Không bồi thường** theo hướng dẫn tại Văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa*								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			IV/ Chính sách hỗ trợ:						**23.070.960**		
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống:						**9.570.960**		
			Áp dụng Điểm 1a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa								
			(30kg/tháng/NK x 6 tháng x 4 nhân khẩu = 720kg)	kg	720	13.293		100%	9.570.960		
			(Giá gạo theo CV số 2483/STC-QLG ngày 01/7/2022 của Sở Tài chính Khánh Hòa. ĐG: 13.293đ/kg)								
			2 - Hỗ trợ tiền thuê nhà:						**7.500.000**		
			Áp dụng Điểm 2a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa:								
			- Hỗ trợ tiền thuê nhà: Hộ có 05 nhân khẩu trở xuống mức hỗ trợ 2.500.000đ/tháng	tháng	3	2.500.000		100%	7.500.000		
			3 - Hỗ trợ tiền di chuyển:						**6.000.000**		
			Áp dụng Điểm 2e, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa:								
			- Hỗ trợ thêm 1 lần di chuyển đến chỗ ở mới ngoài địa bàn phường nơi giải tỏa	hộ	1	6.000.000		100%	6.000.000		
			*** Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:(I+II+III+IV)**						**288.099.816**		
			V/ Phần khen thưởng						**11.000.000**		
			Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			*** Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I + II + III + IV + V)**							**299.099.816**	
	VI/ Tái định cư:										

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Căn cứ Điều 23, Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; *- Căn cứ văn bản số 9552/CNNT ngày 12/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nha Trang - hộ gia đình không sở hữu nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước;* *- Căn cứ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.* *- Căn cứ Biên bản chọn lô đất tái định cư (dự kiến) ngày 06/9/2022 - Hộ gia đình đã chọn: Lô số 280 Khu TĐC Ngọc Hiệp, tiếp giáp 02 đường: đường số 14 rộng 13m và đường số 21 rộng 10m, diện tích 71,50m².*		* Được xét giao 01 lô tái định cư - **Lô số 280 Khu TĐC Ngọc Hiệp**, diện tích 71,50m². Tiếp giáp 02 đường: đường số 14 rộng 13m và đường số 21 rộng 10m - Đơn giá đất tái định cư **Lô số 280 Khu TĐC Ngọc Hiệp**, đường số 14 rộng 13m và đường số 21 rộng 10m, diện tích 60,0m² đơn giá: 10.800.000đồng/m² x 1,1 = 11.880.000đồng/m² (1,1 là hệ số tiếp giáp 02 mặt đường) **- Thành tiền: 71,50m² x 11.880.000đ/m² = 849.420.000đồng**								

VII Khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất vào giá trị đất ở được giao tại khu tái định cư:

- Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc bàn hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Căn cứ QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:

+ **Diện tích xây dựng nhà ở TĐC tối thiểu** (*Diện tích của nhà tái định cư tối thiểu không dưới 60m²*): = diện tích đơn vị ở tối thiểu 15m²/người x số nhân khẩu của hộ tái định cư (*được xác định theo số nhân khẩu hỗ trợ ổn định đời sống*).

+ **Đơn giá xây dựng nhà TĐC:** *Áp giá, PL1, mục A, STT 11, QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa*: Đơn giá 3.565.458đ/m² *(đơn giá mái tôn)*

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Xác định giá trị nhà ở tái định cư tối thiểu và số tiền phải nộp tiền SDĐ								Xác định số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất phải khấu trừ tiền SDĐ của lô TĐC và số tiền BT, HT còn lại phải trả cho hộ dân (đồng)			
Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất			Các khoản bồi thường, hỗ trợ không tính kinh phí khen thưởng	Tổng KP *(Không có khen thưởng)*	Số nhân khẩu của hộ TĐC	Số hiệu lô đất TĐC	Diện tích lô TĐC được cấp (m²)	Đơn giá đất TĐC (đồng/m²)	Tiền SDĐ lô TĐC (đồng)	DT xây nhà ở TĐC tối thiểu (m²)	Đơn giá xây dựng nhà TĐC tối thiểu (đồng/m²)	Giá trị nhà ở Tái định cư tối thiểu (đồng)	Số tiền giữ lại để xây nhà TĐC còn thiếu (nếu có)	Số tiền BT, HT về đất phải giữ lại nộp tiền SDĐ	Tiền sử dụng đất của lô TĐC còn lại phải nộp	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ còn lại (*chi trả cho dân*)
BT về đất	BTHT nhà và VKT	Tổng cộng														
(1)	(2)	(3) = (1)+(2)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) x (9)	(11)	(12)	(13) = (11) x (12)	(14) = (13) - (2)	(15) = (10)	(16) = (10) - (15)	(17) = (5) - (15)
122.040.000	142.988.856	265.028.856	23.070.960	288.099.816	4	Lô số 280 Khu TĐC Ngọc Hiệp, đường số 14 rộng 13m và đường số 21 rộng 10m	71,5	11.880.000	849.420.000	60,0	3.565.458	213.927.480	70.938.624	51.101.376	798.318.624	236.998.440

*** Ghi chú:** *Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa*: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà và vật kiến trúc trên đất 142.988.856đồng *(chưa tính bồi thường, hỗ trợ về đất)* nhỏ hơn số tiền xây dựng nhà ở tái định cư tối thiểu (213.927.480 đồng), thì hộ gia đình được nhận một phần tiền bồi thường, hỗ trợ về đất (213.927.480 đồng - 142.988.856 = 70.938.624 đồng) cho đủ để xây dựng nhà ở tái định cư tối thiểu. Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất còn lại (122.040.000 đồng - 70.938.624 đồng = 51.101.376 đồng) phải khấu trừ vào giá trị lô đất tái định cư (849.420.000 đồng)

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
04	**Ông Phan Đình Nam** **Bà Lê Thị Thanh Huy** **- Địa chỉ thường trú:** Tổ 4, Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang **Địa chỉ thửa đất giải tỏa:** 35/46/1 và 35/47 Ngô Đến, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	*****Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 826/XN-UBND ngày 21/6/2022 và 1124/XN-UBND ngày 11/8/2022 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:** *Thửa số 120+125+126 – Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 (bản vẽ được đo đạc chỉnh lý theo bản trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021) do Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa đo vẽ ngày 16/7/2021 tương ứng thửa số 162, tờ bản đồ địa chính số 26 (tương ứng thửa số 270 tờ BĐ chỉnh lý số 26), phường Vĩnh Phước.* *** Nguồn gốc đất:** Đất có nguồn gốc do bà Trần Thị Thường khai hoang từ thời điểm trước năm 1972. Sau đó, bà Trần Thị Thường cho con là ông Phan Đình Hùng với diện tích 202,5m² *(diện tích theo bản đồ năm 1996)* và xây dựng nhà ở trên đất. Năm 1998, ông Phan Đình Hùng lấn chiếm bờ sông với diện tích 640,5m². Tổng diện tích đất của ông Hòa sau khi lấn chiếm vào thời điểm năm 1998 là 843,0m². Đến năm 1999, ông Hùng cắt 503,6m² *(trong đó: 33,5m² thuộc phần đất khai hoang trước năm 1972 và 470,1m² thuộc phần đất lấn chiếm năm 1998)* cho con là ông Phan Đình Nam. Thửa đất này không thuộc quỹ đất công, đất do nhà nước quản lý. **Theo Biên bản V/v phân chia hạn mức đất ở ngày 28/7/2022, trong 150,0m² hạn mức đất ở của ông Phan Đình Hùng, ông Hùng đồng ý phân chia cho ông Phan Đình Nam 33,5m² và 116,5m² còn lại của ông Hùng và bà Chanh.** **- Thửa 120:** Toàn bộ diện tích 33,5m² nằm trong phần đất do bà Trần Thị Thường khai hoang trước năm 1972. + Thời điểm sử dụng đất: Năm 1999 + Thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc: Tháng 6/2004 (theo Sổ hộ khẩu số 63090 cấp ngày 01/6/2004 - tách cùng nhà) + Khuôn viên, ranh giới thửa đất: Đông giáp: Thửa 121 Tây giáp: Thửa 119 Nam giáp: Thửa 124 Bắc giáp: Đường đi **- Thửa 125+126:** Toàn bộ diện tích 470,1m² nằm trong phần đất do ông Phan Đình Hùng lấn chiếm bờ sông năm 1998. + Thời điểm sử dụng đất: Tháng 6/2004 (theo Sổ hộ khẩu số 63090 cấp ngày 01/6/2004) + Thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc: Năm 2013 (Theo									
			I/ Về đất:						**80.400.000**		
			*** Tổng diện tích (Thửa 126 + 125 + 120)**	**m²**	**503,60**						
			+ DT đất giải tỏa:	m²	503,60						
			+ DT đất còn lại:	m²	0,00						
			- Tổng diện tích (Thửa 126)	m²	**405,50**						
			+ DT đất giải tỏa:	m²	405,50						
			+ DT đất còn lại:	m²	0,00						
			- Tổng diện tích (Thửa 125)	m²	**64,60**						
			+ DT đất giải tỏa:	m²	64,60						
			+ DT đất còn lại:	m²	0,00						
			- Tổng diện tích (Thửa 120)	m²	**33,50**						
			+ DT đất giải tỏa:	m²	33,50						
			+ DT đất còn lại:	m²	0,00						
			***** Căn cứ pháp lý áp dụng:*** *+ Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Khoản 4, Điều 82, Luật đất đai năm 2013* *+ Khoản 2, Điều 77, Luật đất đai năm 2013* *+ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.*							
			- Diện tích đất được bồi thường (Thửa 120):	**m²**	**33,50**						
			+ Bồi thường đất ở vì xây dựng nhà trước 15/10/1993: *(theo biên bản phân chia hạn mức đất ở ngày 28/7/2022)*	m²	33,50	2.400.000	100%		80.400.000		
			Áp giá đường 2/4 (đoạn từ phía Nam cầu Hà Ra đến Hòn Chồng và Chung cư Vĩnh Phước) - vị trí 5. Đơn giá: 2.400.000đ/m² tại mục 1, STT 04 (phường Vĩnh Phước)								
			- Diện tích đất không bồi thường (Thửa 125+126):	**m²**	**470,10**	*Không bồi thường vì lấn sông*					
			II/ Tài sản gắn liền với đất:						**989.843.415**		
			1- Công trình, vật kiến trúc:						**978.786.415**		
			+ TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND TP Nha Trang;								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 19/5/2020 của UBND phường Vĩnh Phước) + Khuôn viên, ranh giới thửa đất: Đông giáp: Thửa 126 Tây giáp: Đường đi Nam giáp: Thửa 126 Bắc giáp: Thửa 127 *** Tình trạng nhà đất:** Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định tại thửa đất giải tỏa và không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh PHước. *** Tổng diện tích đất đang sử dụng:** 503,6m² *** Loại đất:** Hộ gia đình tự chuyển mục đích để xây dựng nhà, vật kiến trúc. *** Quá trình sử dụng đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất:** - Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có. - Những thay đổi về loại đất: Có * Hộ gia đình không thuộc diện trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. *** Tình hình tranh chấp đối với thửa đất:** Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại. *** Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng.** - Diện tích đất theo giấy tờ (bản đồ năm 1996): 202,5m² - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 503,6m² - Diện tích đất chênh lệch tăng: 301,1m² - Nguyên nhân tăng: Do ông Phan Đình Hùng lấn chiếm bờ sông với diện tích 640,5m² vào thời điểm năm 1998 và ông Phan Đình Hùng hiện đang quản lý, sử dụng phần diện tích 339,4m². *** Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:** - Địa chỉ thửa đất thực tế: 35/46/1 và 35/47 Ngô Đến, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang - Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tổ 4 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang *(Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng và địa chỉ thửa đất theo giấy tờ là cùng một địa chỉ thửa đất)* *** Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:** - Sổ hộ khẩu số 63090 do CA TP Nha Trang cấp ngày 01/6/2004 do ông Phan Đình Nam đứng tên chủ hộ, gồm 04 nhân khẩu, thường trú tại Tổ 4 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, chuyển đến ngày 01/6/2004	***** Bồi thường, hỗ trợ theo:*** *+ Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;* *+ Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016;* *+ Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.*								
			+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			*** <u>Thửa 120:</u>**								
			- Nhà 1 tầng, tường xây gạch 100-200, bổ trụ, trần thạch cao, gác lửng bê tông giả cao trên 2,5m (DT = 33,5m² – (3,6m x 3,5m) = 20,9m²), cửa gỗ kính, mái lợp tole, tường sơn nước, mặt tiền có trang trí ốp lát và ô văng, có hệ thống điện nước, hệ vệ sinh hoàn chỉnh. DTXD = DTGT = 33,5m² *(kèm bảng sơ họa - kích thước do Trung tâm Phát Triển Quỹ Đất Khánh Hòa lập ngày 20/09/2022)*	m²XD	33,50	4.258.070		100%	142.645.339		
			Áp giá PL1. STT A6. ĐG: 3.515.463đ/m²XD. Đơn giá nhân hệ số 1.14 vì tường sơn nước và cộng 250.442đ/m² vì nền gạch men. 3.515.463đ/m²XD x 1,14 + 250.442đ/m² = 4.258.070đ/m²XD								
			+ Gác lửng BTCT cao trên 2,5m. DT: DT = 33,5m² – (3,6m x 3,5m) = 20,9m²	m²	20,90	4.258.070		100%	88.993.659		
			(Áp giá PL5, STT5, vì gác lửng cao 2,5m nên tính bằng diện tích sàn gác lửng. Đơn giá gác lửng quy đổi theo công trình cùng loại)								
			+ Ốp men tường nhà. DT = (3,9m + 2,5m + 8,8m + 2,5m + 2,1m + 1,4m) x 1,2m + (2,0m + 3,5m + 1,9m) x 1,5m + [(2,5m x 2) + 5,4m] x 1,2m = 49,02m²	m²	49,02	309.524		100%	15.172.866		
			(Áp giá PL2. STT A33, ĐG: 309.524đ/m²)								
			*** <u>Thửa 125:</u>**								
			- Nhà 1 tầng, tường xây gạch, nền gạch men, cửa gỗ kính, mái tole, không trần, có hệ thống điện nước, hệ vệ sinh hoàn chỉnh . DTXD = DTGT = 4,06m x 11,02m = 44,74 m².	m²XD	44,74	3.308.827		100%	148.036.920		
			Áp giá PL1. STT A4, ĐG: 3.058.385đ/m²XD. Đơn giá cộng 250.442đ/m² vì nền gạch men. 3.058.385đ/m²XD + 250.442đ/m² = 3.308.827đ/m²XD								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		(tách cùng nhà). - Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 28/4/2022 của UBND phường Vĩnh Phước - Giấy cho đất giữa vợ chồng ông Phan Đình Hùng và bà Nguyễn Thị Chanh với vợ chồng ông Phan Đình Nam và bà Lê Thị Thanh Huy ngày 14/02/1999 (không có xác nhận của cơ quan cấp thẩm quyền). - Biên lai thu thuế phi nông nghiệp năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018 tên bà Lê Thị Thanh Huy với diện tích đóng thuế 260,6m2. - Biên lai thu thuế nhà đất 2010, 2011 tên bà Lê Thị Thanh Huy với diện tích đóng thuế 42,2m2. - Biên lai thu thuế phi nông nghiệp năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018 tên bà Lê Thị Thanh Huy với diện tích đóng thuế 42,2m2. - Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh tên bà Lê Thị Thanh Huy. - Biên bản ngày 28/7/2022 về việc phân chia hạn mức đất ở của hộ ông Phan Đình Hùng và bà Nguyễn Thị Chanh có xác nhận của UBND phường Vĩnh Phước - Thửa đất 120 tiếp giáp đường 2/4 (đoạn từ Nam Cầu Hà Ra đến Hòn Chồng và Chung cư Vĩnh Phước) dưới 2m tương ứng vị trí 5 (Theo biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021) - Thửa đất 125 + 126 tiếp giáp đường 2/4 (đoạn từ Nam Cầu Hà Ra đến Hòn Chồng và Chung cư Vĩnh Phước) từ 3,5m đến dưới 6m tương ứng vị trí 3 (Theo biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021) - Biên bản họp HĐBT ngày 10/8/2022 (STT 10) - Thông báo số 186/TB-HĐBT ngày 18/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 21/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 09/9/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 08/9/2022	+ Ốp men tường. DT = (11,1m x 1,8) + (17,5m x 1,8m) = 51,48 m²	m²	51,48	309.524		100%	15.934.296		
			(Áp giá PL2, STT A33, ĐG: 309.524đ/m²)								
			+ Ốp đá granit bếp. DT = 3,1m x 0,6m = 1,86 m²	m²	1,86	1.751.793		100%	3.258.335		
			(Áp giá PL2, STT A34, ĐG: 1.751.793đ/m²)								
			- Nền ximăng có bêtông lót. DT = 16,5m²	m²	16,50	168.630		100%	2.782.395		
			(Áp giá PL1, STT B17, ĐG: 168.630đ/m²)								
			*** Thửa 126:**								
			- Nhà 1 tầng, tường xây gạch 100, nền xi măng, mái tole, cửa sắt, không trần, kết cấu không hoàn chỉnh, có hệ thống điện . DT = 5,2m x 5,15m = 26,78m²	m²XD	26,78	3.058.385		100%	81.903.550		
			Áp giá PL1, STT A4, ĐG: 3.058.385đ/m²XD								
			- Nhà vệ sinh độc lập có hầm tự hoại, mái tole (Ốp men nhà vệ sinh. DT = (3,5m x 1,3m) x 3 + [3,6m x 1,3m + (0,4m x 3,6m)] x 3 + (2,5m x 0,5m) = 33,26m²). DT = (4,3m x 1,7m) + (2,5m x 3,36m) = 15,71m².	m²	15,71	5.511.315		100%	86.582.759		
			(Áp giá PL1, STT B7, ĐG: 5.511.315đ/m²XD)								
			- Mái che cột kèo sắt, mái tole, nền ximăng có bêtông lót. DT = 363,01m² (kèm bảng sơ họa - kích thước do Trung tâm Phát Triển Quỹ Đất Khánh Hòa lập ngày 20/09/2022)	m²	363,01	1.078.134		100%	391.373.423		
			Áp giá PL1, STT B4, ĐG: 1.078.134đ/m²								
			- Xây tường gạch thẻ 10cm (cao <= 4m) (bồn hoa), cao 0,5m, dài (2,0m x 6 cạnh tường), DT: 0,5m x (2,0m x 6) = 6,0m²	m²	6,00	250.342		100%	1.502.052		
			(Áp giá PL2, STT A7, ĐG: 250.342đ/m²)								
			- Xây tường gạch thẻ 10cm (cao <= 4m) (bồn hoa), cao 0,4m, dài 6,0m. DT: 0,4m x 6,0m = 2,4m²	m²	2,40	250.342		100%	600.821		
			(Áp giá PL2, STT A7, ĐG: 250.342đ/m²)								
			2 - Tài sản khác:						**1.062.000**		
			Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Đồng hồ điện: 01 TH	TH	1	1.062.000	100%		1.062.000		
			- Đồng hồ nước: 01 TH	TH	1	*Không bồi thường vì được lắp đặt đồng hồ nước tại nơi ở mới*					
			3 - Cây trồng:						**9.995.000**		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			Áp dụng QĐ số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Xoài trồng hạt loại B	Cây	1	5.530.000			5.530.000		
			- Dừa xiêm loại A	Cây	1	1.230.000			1.230.000		
			- Dừa xiêm loại B	Cây	2	1.020.000			2.040.000		
			- Dừa bung loại A	Cây	2	540.000			1.080.000		
			- Đu đủ loại A	Cây	1	115.000			115.000		
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: ***Không bồi thường*** *theo văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.*						**0**		
			IV/ Chính sách hỗ trợ:						**23.070.960**		
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống:						**9.570.960**		
			Áp dụng Điểm 1a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;	kg	720	13.293		100%	9.570.960		
			(30kg/tháng x 6 tháng x 4 nhân khẩu = 720kg)								
			(Giá gạo theo CV số 2483/STC-QLG ngày 01/7/2022 của Sở Tài chính Khánh Hòa. ĐG: 13.293đ/kg)								
			2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:						**7.500.000**		
			Áp dụng Điểm 2a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa								
			- Hỗ trợ tiền thuê nhà: Hộ có 05 nhân khẩu trở xuống mức hỗ trợ 2.500.000đ/tháng	tháng	3	2.500.000		100%	7.500.000		
			3 - Hỗ trợ tiền di chuyển:						**6.000.000**		
			Áp dụng Điểm 2e, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa								
			- Hỗ trợ thêm 1 lần di chuyển đến chỗ ở mới ngoài địa bàn phường nơi giải tỏa	hộ	1	6.000.000		100%	6.000.000		
			*** Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I + II + III + IV)**						**1.093.314.375**		
			V/ Phần khen thưởng						**11.000.000**		
			Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng: (I + II + III + IV + V)							1.104.314.375	
	VI/ Tái định cư:										
	- Căn cứ Điều 23, Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; *- Căn cứ văn bản số 9552/CNNT ngày 12/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nha Trang - hộ gia đình không sở hữu nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước;* *- Căn cứ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.* *- Căn cứ Biên bản chọn lô đất tái định cư (dự kiến) ngày 06/9/2022 - Hộ gia đình đã chọn: Lô số 147 Khu TĐC Ngọc Hiệp, tiếp giáp đường số 14 rộng 13m, diện tích 60,0m².*		* Được xét giao 01 lô tái định cư - **Lô số 147 Khu TĐC Ngọc Hiệp**, diện tích 60,0m² . Tiếp giáp đường số 14 rộng 13m - Đơn giá đất tái định cư **Lô số 147 Khu TĐC Ngọc Hiệp**, đường số 14 rộng 13m, diện tích 60,0m² đơn giá: 10.800.000đồng/m² **- Thành tiền: 60,0m² x 10.800.000đ/m² = 648.000.000đồng**								

VII Khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất vào giá trị đất ở được giao tại khu tái định cư:

- Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Căn cứ QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:

+ **Diện tích xây dựng nhà ở TĐC tối thiểu** (*Diện tích của nhà tái định cư tối thiểu không dưới 60m²*): = diện tích đơn vị ở tối thiểu 15m²/người x số nhân khẩu của hộ tái định cư (*được xác định theo số nhân khẩu hỗ trợ ổn định đời sống*).

+ **Đơn giá xây dựng nhà TĐC:** *Áp giá, PL1, mục A, STT 11, QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa*: Đơn giá 3.565.458đ/m² *(đơn giá mái tôn)*

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Xác định giá trị nhà ở tái định cư tối thiểu và số tiền phải nộp tiền SDĐ								Xác định số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất phải khấu trừ tiền SDĐ của lô TĐC và số tiền BT, HT còn lại phải trả cho hộ dân (đồng)			
Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất			Các khoản bồi thường, hỗ trợ không tính kinh phí khen thưởng	Tổng KP *(Không có khen thưởng)*	Số nhân khẩu của hộ TĐC	Số hiệu lô đất TĐC	Diện tích lô TĐC được cấp (m²)	Đơn giá đất TĐC (đồng/m²)	Tiền SDĐ lô TĐC (đồng)	DT xây nhà ở TĐC tối thiểu (m²)	Đơn giá xây dựng nhà TĐC tối thiểu (đồng/m²)	Giá trị nhà ở Tái định cư tối thiểu (đồng)	Số tiền giữ lại để xây nhà TĐC còn thiếu (nếu có)	Số tiền BT, HT về đất phải giữ lại nộp tiền SDĐ	Tiền sử dụng đất của lô TĐC còn lại phải nộp	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ còn lại (*chi trả cho dân*)
BT về đất	BTHT nhà và VKT	Tổng cộng														
(1)	(2)	(3) = (1)+(2)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) x (9)	(11)	(12)	(13) = (11) x (12)	(14) = (13) - (2)	(15) = (10)	(16) = (10) - (15)	(17) = (5) - (15)
80.400.000	979.848.415	1.060.248.415	33.065.960	1.093.314.375	4	Lô số 147 Khu TĐC Ngọc Hiệp đường số 14 rộng 13m	60,0	10.800.000	648.000.000	60,0	3.565.458	213.927.480	0	80.400.000	567.600.000	1.012.914.375

*** Ghi chú:** *Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa*: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà và vật kiến trúc trên đất 979.848.415 đồng *(chưa tính bồi thường, hỗ trợ về đất)* lớn hơn số tiền xây dựng nhà ở tái định cư tối thiểu (213.927.480 đồng), thì hộ gia đình phải khấu trừ từ tiền bồi thường về đất (80.400.000 đồng) vào giá trị lô đất tái định cư (648.000.000đồng)

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
05	**Ông Nguyễn Văn Phùng (chết)** **Bà Nguyễn Thị Có (chết)** **Bà Nguyễn Thị Thu Hà (đại diện kê khai)**	**** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 17/XN-UBND ngày 03/5/2019, XN số 1117/XN-UBND ngày 09/8/2022 và XN số 1124/XN-UBND ngày 11/8/2022 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:**								
			I/ Về đất:						195.120.000		
			- Tổng diện tích (Thửa số 63):	**m²**	**27,10**						
	- Địa chỉ thường trú: Phước Thủy, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang	*Thửa số 63 – Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021, tương ứng thửa số 28 Tờ bản đồ địa chính số 26, phường Vĩnh Phước* **+ Nguồn gốc đất:** Do vợ chồng ông Nguyễn Văn Phùng khai hoang và sử dụng từ trước năm 1957 với diện tích như khuôn viên hiện nay. Nay bà Nguyễn Thị Thu Hà đang quản lý sử dụng. Đề nghị mở thừa kế theo quy định của pháp luật.	+ DT đất giải tỏa:	m²	19,50					
			+ DT đất còn lại: *Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 8, QĐ 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 - Đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất ở chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, tiến hành lập hồ sơ thu hồi phần diện tích này.*	m²	7,60					
		Nguồn gốc nhà: Do vợ chồng ông Nguyễn Văn Phùng tạo dựng 1 căn nhà cấp 4 từ trước năm 1985 với diện tích khoảng 37m², đến khoảng năm 1994, bà Nguyễn Thị Thu Hà sửa chữa và cơi nới lại như khuôn viên hiện nay. **+ Thời điểm sử dụng đất:** trước năm 1957. **+ Thời điểm xây dựng nhà:** Tháng 11/1999 *(theo Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của bà Nguyễn Thị Thu Hà được UBND phường Vĩnh Phước xác nhận ngày 19/11/1999)*	***** Căn cứ pháp lý áp dụng:*** *+ Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Điểm a Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Điểm a, Khoản 1, Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014* *+ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;*							
	- Địa chỉ thửa đất giải tỏa: 11 Ngô Đến, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang		**- Diện tích đất bồi thường:**	**m²**	**27,10**						
			- Bồi thường đất ở vì xây dựng nhà sau 15/10/1993 đến trước 01/7/2004	**m²**	**27,10**	7.200.000	100%		195.120.000		
		+ Tổng diện tích đất đang sử dụng: 27,1m² **+ Loại đất: Đất ở tại đô thị** - Quá trình sử dụng đất: + Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có. + Những thay đổi về loại đất: Không. + Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình không sở hữu nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước. **- Tình hình tranh chấp đối với thửa đất:** Tại thời điểm xác nhận nguồn gốc quá trình sử dụng đất, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại. **- Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với** diện tích đất thực tế đang sử dụng. + Diện tích đất theo giấy tờ: 32,0m2; + Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 27,1m2; + Diện tích đất chênh lệch giảm: 4,9m2; + Nguồn gốc chênh lệch giảm: do sai số đo đạc	*(Áp giá đường Ngô Đến (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ấn và hết xưởng đóng tàu Composit) vị trí 1. Đơn giá: 9.600.000đ/m²)*							
			Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. *- Nộp tiền sử dụng đất do hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, mức thu tiền sử dụng bằng 50% tiền sử dụng đất tương ứng với phần diện tích đất ở bị thu hồi trong hạn mức theo giá đất 4.800.000 đ/m²* *- Giá đất bồi thường:* (9.600.000 x 100%) - (4.800.000 x 50%) = 7.200.000 đ/m²							
			II/ Tài sản gắn liền với đất:						**377.663.834**		
			1- Công trình, vật kiến trúc:						**376.601.834**		
			+ TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND TP Nha Trang;								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		-Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ: + Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tổ 8, Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang. + Địa chỉ thửa đất đang sử dụng: 11 Ngô Đến, Vĩnh Phước, Nha Trang Thực tế hai địa chỉ nêu trên là cùng một thửa đất. ****Các loại giấy tờ, tài liệu liên quan:** - Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của bà Nguyễn Thị Thu Hà được UBND phường Vĩnh Phước xác nhận ngày 19/11/1999. - Đơn xin xác nhận có nhà ở ngày 10/3/2016 có xác nhận của UBND phường Vĩnh Phước. - Hợp đồng thục nhà (không có xác nhận cấp thẩm quyền) của bà Nguyễn Thị Thu Hà cho bà Cao Thị Tương ngày 26/6/2011. - Biên lai thu thuế nhà đất năm 1996 tên bà Nguyễn Thị Thu Hà. - Biên nhận tiền nước ngày 25/8/2017 tên bà Nguyễn Thị Thu Hà. - Giấy nộp tiền điện ngày 18/9/2017 tên bà Cao Thị Tương. - Biên nhận thanh toán FPT Telecom ngày 1/8/2017 tên ông Hồ Quốc Nam (con bà Tương). Biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa. - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất. - Bản tự kê khai. - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021 (Thửa đất tiếp giáp đường Ngô Đến từ 7,1m đến dưới 9,0m - tương ứng vị trí 1 Đường Ngô Đến) - Biên bản họp HĐBT ngày 10/8/2022 (STT 31) - Thông báo số 186/TB-HĐBT ngày 18/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 21/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 09/9/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 08/9/2022	***** Hỗ trợ theo:*** *+ Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;* *+ Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016;* *+ Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.*								
			+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Nhà 2 tầng, khung, cột, sàn BTCT, mái tole, không trần, nền lát gạch men, tường sơn nước, cửa sắt kéo, mặt tiền ốp men trang trí (tầng 1) + tô đá rửa (tầng 2), hệ vệ sinh hoàn chỉnh, có hệ thống điện nước. DTXD: 27,1m² DTXD Sàn 2: 27,1m² + (1,0m x 6,5m) + [(1,8m x 1,9m)/2)] DTGT sàn 1: 19,7m² DTGT sàn 2: 19,7m² + (1,0m x 6,5m) + [(1,8m x 1,9m)/2)] = 35,31m² **** Tổng diện tích 02 sàn :** 27,1m² + 35,31m² = 62,41m²*(thu hồi toàn bộ diện tích đất nên bồi thường toàn bộ diện tích nhà)*	m² Sàn	62,41	5.937.410		100%	370.553.735		
			(Áp giá PL1. STT A15. ĐG: 5.096.139đ/m² sàn. Đơn giá điều chỉnh với hệ số 1,14 vì tường sơn nước, điều chỉnh hệ số 1.022 vì có thêm 01 hệ vệ sinh hoàn chỉnh. 5.096.139đ/m² sàn x 1,14 x 1,022 = 5.937.410đ/m²sàn								
			- Ốp men mặt tiền nhà (tầng 1): 2,85m x (1,1m + 1,1m + 2,3m) = 12,83m²	m²	12,83	309.524		100%	3.971.193		
			(Áp giá PL2. STT A33. ĐG: 309.524đ/m²)								
			- Ốp men bếp: (1,7m x 1,0m) + (2,7m x 0,7m) + (2,6m x 1,2m) = 6,71m²	m²	6,71	309.524		100%	2.076.906		
			(Áp giá PL2. STT A33. ĐG: 309.524đ/m²)								
			2 - Tài sản khác:						**1.062.000**		
			Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Đồng hồ điện: 01 TH	TH	1	1.062.000	100%		1.062.000		
			- Đồng hồ nước: 01 TH	TH	1	*Không bồi thường vì được lắp đặt đồng hồ nước tại nơi ở mới*					
			3 - Cây trồng: Không có								
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: ***Không bồi thường*** *theo điều 14 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa*						**0**		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			IV/ Chính sách hỗ trợ:						**0**		
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống:			*Không hỗ trợ theo quy định tại Điểm 1, 2, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa*					
			2- Hỗ trợ tiền thuê nhà và di chuyển:								
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ						572.783.834		
			V/ Phần khen thưởng						**11.000.000**		
			Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I+II+III+IV+V):							583.783.834	
	VI/ Tái định cư:										
	- Căn cứ Điều 23, Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; *- Căn cứ văn bản số 9552/CNNT ngày 12/10/2021 và 12863/CNNT ngày 20/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nha Trang - hộ gia đình không sở hữu nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước;* *- Căn cứ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.* *- Căn cứ Biên bản chọn lô đất tái định cư (dự kiến) ngày 06/9/2022 - Hộ gia đình đã chọn: Lô số 57 Khu TĐC Ngọc Hiệp, tiếp giáp đường số 13 rộng 20m, diện tích 67,50m².*		* Được xét giao 01 lô tái định cư - **Lô số 57 Khu TĐC Ngọc Hiệp**, diện tích 67,50m². Tiếp giáp đường số 13 rộng 20m - Đơn giá đất tái định cư **Lô số 57 Khu TĐC Ngọc Hiệp**, đường số 13 rộng 20m, diện tích 67,50m² đơn giá: 12.960.000đồng/m² - **Thành tiền: 67,50m² x 12.960.000đ/m² = 874.800.000đồng**								

VII Khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất vào giá trị đất ở được giao tại khu tái định cư:

- Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc bàn hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Căn cứ QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:

+ **Diện tích xây dựng nhà ở TĐC tối thiểu** (*Diện tích của nhà tái định cư tối thiểu không dưới 60m²*): = diện tích đơn vị ở tối thiểu 15m²/người x số nhân khẩu của hộ tái định cư (*được xác định theo số nhân khẩu hỗ trợ ổn định đời sống*).

+ **Đơn giá xây dựng nhà TĐC:** *Áp giá, PL1, mục A, STT 11, QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa*: Đơn giá 3.565.458đ/m² *(đơn giá mái tôn)*

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Xác định giá trị nhà ở tái định cư tối thiểu và số tiền phải nộp tiền SDĐ								Xác định số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất phải khấu trừ tiền SDĐ của lô TĐC và số tiền BT, HT còn lại phải trả cho hộ dân (đồng)			
Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất			Các khoản bồi thường, hỗ trợ không tính kinh phí khen thưởng	Tổng KP *(Không có khen thưởng)*	Số nhân khẩu của hộ TĐC	Số hiệu lô đất TĐC	Diện tích lô TĐC được cấp (m²)	Đơn giá đất TĐC (đồng/m²)	Tiền SDĐ lô TĐC (đồng)	DT xây nhà ở TĐC tối thiểu (m²)	Đơn giá xây dựng nhà TĐC tối thiểu (đồng/m²)	Giá trị nhà ở Tái định cư tối thiểu (đồng)	Số tiền giữ lại để xây nhà TĐC còn thiếu (nếu có)	Số tiền BT, HT về đất phải giữ lại nộp tiền SDĐ	Tiền sử dụng đất của lô TĐC còn lại phải nộp	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ còn lại (*chi trả cho dân*)
BT về đất	BTHT nhà và VKT	Tổng cộng														
(1)	(2)	(3) = (1)+(2)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) x (9)	(11)	(12)	(13) = (11) x (12)	(14) = (13) - (2)	(15) = (10)	(16) = (10) - (15)	(17) = (5) - (15)
195.120.000	377.663.834	572.783.834	0	572.783.834	0	Lô số 57 Khu TĐC Ngọc Hiệp, đường số 13 rộng 20m	67,5	12.960.000	874.800.000	60,0	3.565.458	213.927.480	0	195.120.000	679.680.000	377.663.834

*** Ghi chú:** *Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa*: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà và vật kiến trúc trên đất 377.663.834 đồng *(chưa tính bồi thường, hỗ trợ về đất)* lớn hơn số tiền xây dựng nhà ở tái định cư tối thiểu (213.927.480 đồng), thì hộ gia đình phải khấu trừ từ tiền bồi thường về đất (195.120.000 đồng) vào giá trị lô đất tái định cư (874.800.000đồng)

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1											
06	**Ông Vương Ngọc Nghi** **Bà Đặng Thị Mười**	**** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 1114/XN-UBND ngày 31/10/2018 và GXN số 1359/XN-UBND ngày 31/12/2021 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:** *Thửa 106 - Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 (bản vẽ được đo đạc chỉnh lý theo bản trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021) do Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa đo vẽ ngày 16/7/2021 tương ứng thửa số 28 tờ BĐ địa chính số 25 (tương ứng thửa số 80 tờ BĐ chỉnh lý số 25, Vĩnh Phước.* **+ Nguồn gốc đất:** Đất trước đây do ông Nguyễn Văn Hiệp khai hoang và sử dụng từ **trước năm 1980** với diện tích khoảng 51m². **Đến khoảng năm 2005**, vợ chồng ông Nguyễn Văn Hiệp cắt một phần lô đất (trên đất có nhà tạm) có diện tích như khuôn viên hiện nay chuyển nhượng cho vợ chồng ông Vương Ngọc Nghi quản lý và sử dụng ổn định đến nay. Đất có nguồn gốc là đất trồng cây lâu năm. **+ Thời điểm sử dụng đất:** Năm 2005 **+ Thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc:** Do vợ chồng ông Nguyễn Văn Hiệp tạo dựng một căn nhà tạm dùng để ở từ trước năm 1990 với diện tích khoảng 17,0m². **- Tình trạng nhà đất:** Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định tại thửa đất giải tỏa từ năm 2005 đến nay và không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường. **- Tổng diện tích đất đang sử dụng:** 17,1m² **- Khuôn viên, ranh giới thửa đất:** Đông giáp: thửa số 114 Bắc giáp: thửa số 105 Tây giáp: đường đi Nam giáp: thửa số 113 **+ Loại đất:** Hộ dân tự chuyển mục đích xây dựng nhà ở, công trình vật kiến trúc. *** Quá trình sử dụng đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất:** + Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: không + Những thay đổi về loại đất: Hộ gia đình tự chuyển đổi xây dựng nhà ở. *** Tình hình tranh chấp đối với thửa đất:** Tại thời điểm xác nhận nguồn gốc quá trình sử dụng đất, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại. *** Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng.** - Diện tích đất theo giấy tờ: - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 17,1m²						**27.702.000**		
	- Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang		**I/ Về đất:**								
			- Tổng diện tích (Thửa 106)	m²	**17,10**						
			+ DT đất giải tỏa:	m²	17,10						
			+ DT đất còn lại:	m²	0,00						
	- Địa chỉ thửa đất giải tỏa: 35/34/13/9 Ngô Đến, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang.		**** * Căn cứ pháp lý áp dụng:*** + Khoản 4, Điều 82, Luật đất đai năm 2013; + Khoản 2, Điều 77, Luật đất đai năm 2013;								
			- Diện tích đất bồi thường:	m²	17,10	*Không bồi thường vì không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp*					
			b/ Phần hỗ trợ về đất								
			***** Căn cứ pháp lý áp dụng:*** + Điểm a khoản 8, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/03/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;	m²	17,10	1.800.000		90%	27.702.000		
			+ Hỗ trợ theo đơn giá đất ở								
			Áp giá thửa đất tiếp giáp đường 2/4 (đoạn từ Nam cầu Hà Ra đến Hòn Chồng và Chung cư Vĩnh Phước) - vị trí 5 - Đơn giá: 2.400.000đ/m² tại mục 1, STT 04 (phường Vĩnh Phước) Trừ 50% tiền sử dụng đất theo bảng giá đất quy định tại Bảng giá đất như trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 7, NĐ 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ theo đơn giá: 1.200.000đ/m² - Giá đất hỗ trợ: (2.400.000đ/m² x 100%) - (1.200.000đ/m² x 50%) = 1.800.000đ/m²						**70.348.772**		
			II/ Tài sản gắn liền với đất:						**69.286.772**		
			1- Công trình, vật kiến trúc:								
			+ TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tp Nha Trang;								
			***** Hỗ trợ theo:*** + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.								
			+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		- Diện tích đất chênh lệch tăng: - Nguồn gốc tăng, giảm: *** Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:** *(Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng, địa chỉ thửa đất theo giấy tờ là cùng một địa chỉ thửa đất)* *** Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:** - Sổ hộ khẩu số 330033932 do bà Đặng Thị Mười đứng tên chủ hộ, thường trú tại Tổ 01 Tháp Bà, Phường Vĩnh Phước, Tp Nha Trang, do công an Tp Nha Trang ký ngày 01/10/2008. Gồm 03 nhân khẩu (chuyển đến ngày 01/10/2008). - Phiếu ý kiến khu dân cư ngày 05/8/2019 - Biên lai thu thuế nhà, đất năm 2013, 2014 - Hợp đồng dịch vụ cấp nước số 1000081865/HĐ-CTN năm 2013 tên bà Đặng Thị Mười - Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt ngày 15/5/2017 tên bà Đặng Thị Mười - Biên bản họp HĐBT ngày 28/6/2022 - Thông báo số 150/TB-HĐBT ngày 20/7/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 23/7/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 11/8/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 11/8/2022	- Nhà xây gạch, gác gỗ, mái tole, nền gạch men, cửa gỗ, có hệ thống điện, có hệ vệ sinh. DTXD = DTGT = 17,1 m²*(diện tích nhà bằng diện tích đất giải tỏa)*	m²XD	17,10	3.239.646		100%	55.397.953		
			Áp giá PL1, STT A5. ĐG: 3.266.890đ/m²XD. Đơn giá giảm 8,5% vì không bồ trụ, cộng thêm 250.442đ/m² vì nền gạch men 3.266.890đ/m²XD x (100% - 8,5%) + 250.442đ/m² = 3.239.646đ/m²XD								
			- Gác lửng gỗ cao 2,5m. DT: 17,1 m²	m²	17,10	812.212		100%	13.888.819		
			Áp giá PLV. STT 5. ĐG: 887.663đ/m² (STT33 mục B phụ lục I), đơn giá giảm 8,5% vì không hệ trụ đỡ. 887.663 đ/m² x (100% - 8,5%) = 812.212 đ/m²								
			2 - Tài sản khác:						**1.062.000**		
			Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Đồng hồ điện	TH	1	1.062.000			1.062.000		
			- Đồng hồ nước	TH	1	*Hộ dân chưa cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan*					
			3 - Cây trồng:								
			Không có						**0**		
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: ***Không bồi thường*** *theo văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.*						**0**		
			IV/ Chính sách hỗ trợ:								
			1 - Hỗ trợ ổn định đời sống:		***Không hỗ trợ*** *theo quy định tại 1, 2, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa*				**0**		
			2 - Hỗ trợ tiền thuê nhà và di chuyển:								
			*** Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I + II + III + IV)**								
			V/ Phần khen thưởng						**98.050.772**		
			Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa						**11.000.000**		
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			*** Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I + II + III + IV + V)**							**109.050.772**	
			VI. Tái định cư								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			Căn cứ văn bản số 9552/CNNT ngày 12/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nha Trang - Hộ gia đình còn sở hữu nhà ở, đất ở trên địa bàn thành phố Nha Trang (chuyển nhượng sau Thông báo thu hồi đất - STT 07) ***** Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.***								